

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Ông Trần Văn Rội

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 777/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST-HN ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Tổ 1, ấp PB, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp TL, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 1, ấp PB, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh và chị T bắt đầu chung sống với nhau vào cuối năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu trước khoảng vài năm, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì vợ chồng bán để chi phí trong gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Huy H,

sinh ngày 06/12/2011, hiện chị T đang nuôi. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì và cũng không nợ ai. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa chị T và gia đình anh mâu thuẫn với nhau, chị T bỏ về nhà mẹ ruột ở vì thương vợ con nên anh đến ở cùng với chị T được 05 năm, sau đó anh thấy mẹ anh lớn tuổi ở một mình không yên tâm hơn nữa chỉ có mình anh là con trai, anh phải về chung sống để chăm sóc cho mẹ, trong khi mẹ anh không đồng ý cho chị T về sống chung. Anh về nhà mẹ ruột ở cách đây được 04 tháng, nhưng vẫn thường xuyên qua lại với vợ con. Anh thấy gia đình hai bên có mâu thuẫn, đổ kỵ nhau, chị T lại không tin tưởng cho rằng anh quen biết với người phụ nữ khác nên anh không thể nào tiếp tục chung sống được nữa. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh đồng ý cho chị T được tiếp tục nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị thừa nhận lời trình bày của anh S là đúng, tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng.

Chị thừa nhận giữa chị và gia đình bên chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là vấn đề nhỏ, thời gian vợ chồng sống ở nhà mẹ ruột của chị rất hạnh phúc. Bắt đầu từ ngày 30/4/2017 anh S quen biết và chung sống với người phụ nữ khác mang thai và hiện đã sinh con nên anh mới làm đơn yêu cầu ly hôn với chị. Trước đây vào khoảng tháng 6/2017 anh S nộp đơn ly hôn một lần nhưng Tòa án giải hòa anh S rút đơn, nay anh lại nộp đơn ly hôn lần nữa. Chị có khuyên nhủ nhiều lần và chấp nhận tha thứ cho anh S về chung sống với mẹ con chị nhưng anh vẫn kiên quyết ly hôn. Anh S yêu cầu ly hôn chị không đồng ý vì chị còn thương chồng, chị không muốn con mất cha, chị sẽ chờ đợi khi nào anh S thay đổi quay về chung sống với mẹ con chị. Tuy nhiên chị không yêu cầu xử lý việc anh S chung sống như vợ chồng với người khác.

Trường hợp cho anh chị ly hôn thì:

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con một tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S, con chung, tài sản và nợ do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không xem xét giải quyết. Kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét phạm vi xử lý vi phạm hành chính đối với anh S về hành vi chung sống như vợ chồng với người khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh S yêu cầu ly hôn còn chị T yêu cầu được đoàn tụ.

[2] Qua thu thập chứng cứ xét thấy, giữa anh S và chị T không mâu thuẫn gì, trong thời gian sống nhà mẹ ruột, anh S vẫn thường xuyên đến ở cùng mẹ con chị T, anh chị cũng không sống ly thân. Tại biên bản hòa giải anh S thừa nhận anh có quen biết và chung sống với người phụ nữ khác và anh cũng cho rằng lý do chính để anh yêu cầu ly hôn là giữa chị T và mẹ ruột anh mâu thuẫn nhau ngoài ra anh chị không có mâu thuẫn gì khác. Tại phiên tòa anh S cho rằng còn tình cảm với chị T và mặc dù anh S là người có lỗi nhưng chị T chấp nhận tha thứ cho anh về tiếp tục chung sống.

Như vậy có đủ căn cứ cho rằng giữa anh S và chị T không có mâu thuẫn gì trầm trọng, lý do anh yêu cầu ly hôn là không phù hợp và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S nên không đặt ra giải quyết.

[4] Đối với kiến nghị của Viện kiểm sát: Do cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý.

[5] Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn S đối với chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0012914** ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh S đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu
- Ủy ban nhân dân xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui